

Light

FLUX S1PS LOW

FLUXS1PLOW

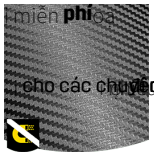
Giày bảo h ộ **lao** độ n g nh ẹ ,
và chống năng thoáng khí cao.

Giày bảo h ộ c ổ thấp FLUX S1PS LOW thích h ợp cho các công việ c nh ẹ trong môi khô ráo. Giày có đế ngoài PU/PU , phần thân trên thoáng khí, đế g g đâm thủ mũi giày nanocarbon nh ẹ và mũi giày bảo h ộ b ề n chắc .

Những vật liệu cao cấp lót bên trong	D i tái chế lưới
Đ trong	ệm chân SJ Memory Foam
iữa	đế g ệt chống thủ Đ ng
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.550 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BLK



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ lâu hơn.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



(SR) Chống t
dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử được thực hiện bằng dầu và dầu xà phòng và dầ



mũi chống **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô, Ngành công** n g**hiệ**n**p** , hậ

ường: **Môi** t
ru ờn**g** **môi khô,** Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ**giày, chúng tôi khuyên** b**ạn nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** b**ảo** v ệ **chúng** b**ằng phẳng** c**ách** h**ành** n**hiệ**g**Không** t**rên** l ờ

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy** D **cao** cấp h ơn				
	Top: khả **năng** ntu ấm ớc h ơ	? 0.8	32.71	iờ mg/cm/g
	Top: hi nụ ệ số ớc h ơ	? 15	262	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ưế ớ			
	L ớp **lót:** ntu ấm ớc h ơ	? 2	49.8	iờ mg/cm/g
	lót: hi nụ ệ số ớc h ơ	? 20	398.8	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** g**SJ Memory Foam**				
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**			
	Ch ố m ảng tr mài mòn) ế ngoài (	? 150	40.9	mm
	Chư ố tr c ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.31	0.49	ma sát
	ru Cộ t có ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t	? 0.36	0.48	ma sát
	ru Cộ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.19	0.30	ma sát
	Chư ố tr SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt n ề **phía** t	? 0.22	0.25	ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	18.7	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	19	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót chân** ủ	? 20	30	J
Đ ướ n g đầ	**Nanocarbon**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5	mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có th ể thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO#hát** thả			
	V ật l iệu	6.00	kg
	Bao bì	0.12	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		8.28 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế			
	Product	10%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com